

Số: 189 /BC-SCT

Sóc Trăng, ngày 20 tháng 11 năm 2018

SỞ NỘI VỤ TỈNH SÓC TRĂNG

ĐẾN Số: 115E3  
Ngày: 20/11/2018

Chuyển:.....

Lưu hồ sơ số:.....

## BÁO CÁO

### Kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2019

Căn cứ Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 về thực hiện cải cách hành chính năm 2018; Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 12/02/2018 về tuyên truyền cải cách hành chính.

Theo hướng dẫn của Sở Nội vụ xây dựng báo cáo định kỳ cải cách hành chính (CCHC) tại Công văn số 1699/SNV-CCHC, ngày 13/8/2018, Sở Công Thương báo cáo công tác CCHC năm 2018, cụ thể như sau:

#### I. Tình hình tổ chức thực hiện văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC

##### 1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao tại các kế hoạch, chương trình về cải cách hành chính của tỉnh

1.1. Báo cáo đề xuất UBND tỉnh việc công khai hóa quy trình thủ tục tiếp cận điện năng (Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 30/5/2016 của UBND tỉnh).

Theo nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 43/KH-UBND, đến nay Sở Công Thương đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Quy chế phối hợp trong giải quyết các thủ tục liên quan đến việc tiếp cận điện năng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, tuy nhiên đến nay UBND tỉnh chưa ban hành, lý do:

Ngày 16/4/2018, Phó Chủ tịch thường trực UBND tỉnh giao Sở Công Thương chủ trì phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng quy chế trình UBND tỉnh trước ngày 28/4/2018<sup>1</sup>. Tuy nhiên, Sở Công Thương nhận được Quyết định số 1866/QĐ-BCT ngày 30/5/2018 giao Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo phối hợp với ngành điện và Sở Công Thương các tỉnh xây dựng quy trình thực hiện thủ tục về tiếp cận điện năng, do đó Sở Công Thương đã có báo cáo UBND và xin ý kiến UBND để thống nhất về thủ tục, thời gian thực hiện và trách nhiệm giải quyết, Sở Công Thương sẽ xây dựng sau khi Bộ Công Thương ban hành quy định và được UBND tỉnh chấp thuận cho gia hạn đến ngày 01/10/2018<sup>2</sup>. Sở Công Thương chỉnh sửa hoàn chỉnh quy định và gửi lấy ý kiến một số sở, ban ngành liên quan<sup>3</sup> và đã tổng hợp ý kiến, hoàn chỉnh dự thảo trình UBND tỉnh<sup>4</sup>. UBND tỉnh cũng đã chỉ đạo Sở Tư pháp và Sở Nội vụ có ý kiến và trình UBND tỉnh trong

<sup>1</sup> Công văn số 1530/VP-TH ngày 16/4/2018

<sup>2</sup> Công văn số 3054/VP-TH ngày 17/7/2018

<sup>3</sup> Công văn số 1055/SCT-QLNL ngày 25/9/2018

<sup>4</sup> Công văn số 1112/SCT-QLNL ngày 08/10/2018

tháng 10/2018<sup>5</sup>. Đến nay, Sở Tư pháp có ý kiến góp ý, Sở Công Thương đang tổng hợp.

1.2. Thực hiện các chỉ tiêu theo Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh thực hiện cải cách hành chính năm 2018.

- Sở Công Thương thực hiện tiếp nhận 100% thủ tục hành chính (TTHC) theo cơ chế một cửa.

- 100% TTHC (117 thủ tục) được niêm yết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, đồng thời cập nhật đầy đủ trên Trang một cửa điện tử của Sở Công Thương.

- Sở Công Thương có ban hành kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính các phòng, đơn vị thuộc Sở<sup>6</sup> và đã hoàn thành kế hoạch kiểm tra.

## ***2. Tình hình tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC liên quan đến ngành Công Thương***

- Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2064/UBND-TH ngày 27/10/2017 giao Sở Công Thương nghiên cứu, xây dựng lại Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Sở xây dựng Quy định theo đúng trình tự và trình UBND tỉnh. Đến ngày 18/5/2018, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND Quy định giá dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

- Thực hiện chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 3969/VP-TH ngày 25/10/2017 giao Sở Công Thương tham mưu UBND tỉnh ban hành quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp, Sở đã xây dựng Dự thảo quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, gửi Sở Tư pháp thẩm định và lấy ý kiến các Sở ngành. Sở tổng hợp ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo trình UBND tỉnh<sup>7</sup>. Đến nay, UBND tỉnh đang tổ chức lấy ý kiến lần 2<sup>8</sup>.

## ***3. Tình hình ban hành và triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Sở Công Thương.***

### ***3.1. Các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC của Sở***

Kế hoạch cải cách hành chính, Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính, Kế hoạch kiểm tra cải cách hành chính năm 2018.

### ***3.2. Tiến độ triển khai***

a) Đối với kế hoạch CCHC: kế hoạch đề ra có 24 nhiệm vụ thuộc 7 nội dung cải cách hành chính. Đến nay đã thực hiện hoàn thành 15 nhiệm vụ, 07 nhiệm vụ thực hiện thường xuyên (đạt 91,67% kế hoạch), còn 02 nhiệm vụ chưa thực hiện.

- Nhiệm vụ chưa thực hiện:

<sup>5</sup> Công văn số 4564/VP-TH ngày 17/10/2018

<sup>6</sup> Kế hoạch số 32/KH-SCT ngày 05/4/2018

<sup>7</sup> Tờ trình số 14/TTr-SCT ngày 04/5/2018.

<sup>8</sup> Công văn số 3943/VP-TH ngày 10/9/2018

+ Điều chỉnh, bổ sung quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc. Hiện nay, Sở Công Thương đã xây dựng Đề án tinh gọn tổ chức bộ máy<sup>9</sup> gửi Sở Nội vụ, khi Đề án được phê duyệt, Sở Công Thương sẽ thực hiện điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các phòng, đơn vị.

+ Báo cáo kết quả thực hiện chế độ tự chủ của cơ quan, đơn vị với cơ quan tài chính (Sở Tài chính) và cơ quan quản lý cấp trên: thực hiện vào cuối năm.

b) Đối với Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính năm 2018: có 06 nhiệm vụ cụ thể, đã thực hiện 05/6 nhiệm vụ, đạt 83% kế hoạch, nhiệm vụ cụ thể:

- Nhiệm vụ đã thực hiện và thực hiện thường xuyên

+ Tuyên truyền những nội dung cơ bản của các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về cải cách hành chính: Văn phòng chủ trì thực hiện thường xuyên, khi có chủ trương, chính sách, văn bản mới.

+ Tuyên truyền những nội dung cơ bản của các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến người dân, doanh nghiệp:

❶ Tổ chức Hội nghị tuyên truyền pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và các văn bản có liên quan: Tuyên truyền cho doanh nghiệp, hộ tiểu thương, người tiêu dùng tìm hiểu, nghiên cứu đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng; cách thức phân biệt một số loại hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng. Nội dung triển khai gồm: Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011, Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013, Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2015, Quyết định số 02/2012/QĐ-TTg ngày 13 tháng 01 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 35/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn một số biện pháp phân biệt, chống hàng gian, hàng giả.

❷ Tổ chức Hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh khí: phổ biến một Nghị định mới của Chính phủ quy định kinh doanh khí (Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018), các quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực này (Nghị định số 67/2017/NĐ-CP ngày 25/5/2017).

❸ Tuyên truyền những nội dung cơ bản của các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước liên quan đến người dân, doanh nghiệp: Sở Công Thương phối hợp với Báo Sóc Trăng và Đài Phát thanh Truyền hình Sóc Trăng mở chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền<sup>10</sup>.

- Nội dung tuyên truyền: công tác quản lý thị trường, công tác bình ổn giá, hội chợ triển lãm, phiên chợ đưa hàng Việt về nông thôn, an toàn thực phẩm, phát triển điện năng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả,...

- Hình thức: mở chuyên trang trên báo Sóc Trăng và chuyên mục trên Đài phát thanh Truyền hình

<sup>9</sup> Đề án số 72/ĐA-SCT ngày 07/11/2018

<sup>10</sup> Kế hoạch số 24/KH-SCT-BST ngày 15/3/2018 và Kế hoạch số 28/KH-SCT-ĐPTTH ngày 29/3/2018

- Thời gian:

+ Báo Sóc Trăng: mỗi tháng 01 kỳ đăng tin, bài

+ Đài phát thanh truyền hình: mỗi tháng 01 kỳ phát sóng, thời lượng 10/kỳ vào lúc 18 giờ 50 phút.

④ Tuyên truyền những nội dung về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực Công Thương: Tổ chức 02 Hội nghị tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về an toàn thực phẩm tại thị xã Ngã Năm và huyện Thạnh Trị tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến an toàn thực phẩm ngành Công Thương cho 87 người là chủ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm gồm các loại rượu, bia, nước giải khát, sữa chế biến, sản phẩm chế biến bột, tinh bột, bánh, mứt, kẹo và các cơ sở kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 Bộ trở lên<sup>11</sup>.

+ Những quy định pháp luật về quản lý nhà nước và các chế tài xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y: Chi cục quản lý thị trường thường xuyên kiểm tra và có tuyên truyền cho tổ chức, cá nhân về quy định trong lĩnh vực này.

- Nhiệm vụ chưa thực hiện (01 nhiệm vụ): Tuyên truyền kết quả thực hiện công tác CCHC của Sở năm 2018, dự kiến cuối năm, khi có kết quả thực hiện công tác CCHC.

c) Đối với kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính: đến nay đã thực hiện hoàn thành 100% kế hoạch, tổ chức kiểm tra xong vào tháng 10/2018 (kiểm tra 04 phòng chuyên môn và 02 đơn vị trực thuộc).

#### ***4. Việc triển khai giải pháp, cách làm hay trong thực hiện CCHC của ngành Công Thương***

Sở Công Thương xây dựng kế hoạch<sup>12</sup> phối hợp với các huyện, thị xã tổ chức trên 40 cuộc tuyên truyền sử dụng điện thoại an toàn bằng mô hình:

- Trong 01 khu vực nuôi tôm, chọn 01 hộ để hướng dẫn và khắc phục dây nhánh mất an toàn, lắp đặt thiết bị bảo vệ an toàn điện, đóng nổi đất bảo vệ động cơ điện và tặng bút thử điện, hướng dẫn cách lắp đặt dây dẫn, thiết bị bảo vệ an toàn điện và thiết bị điện trong ao tôm. Kết quả, qua 9 tháng đầu năm 2018 tai nạn điện trong dân giảm 70% so với năm 2017.

## **II. Tình hình, kết quả thực hiện:**

### **1. Thông tin công chức lãnh đạo, phụ trách công tác CCHC**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Họ tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Email/ điện thoại</b>
1	Lãnh đạo phụ trách cải cách hành chính	Võ Văn Chiêu	Giám đốc	<a href="mailto:vvchieu@soctrang.gov.vn">vvchieu@soctrang.gov.vn</a> 0919 189072

<sup>11</sup> Kế hoạch số 30/KH-SCT ngày 05/4/2018

<sup>12</sup> Kế hoạch số 14/KH-SCT ngày 28/02/2018

STT	Nội dung	Họ tên	Chức vụ	Email/ điện thoại
2	Công chức phụ trách tham mưu cải cách hành chính	Trang Thị Cẩm Tú	Phó Chánh Văn phòng	<a href="mailto:ttctu@soctrang.gov.vn">ttctu@soctrang.gov.vn</a> 0916 199861
3	Công chức phụ trách tham mưu CNTT	Võ Minh Luân	Chuyên viên	<a href="mailto:vmluan@soctrang.gov.vn">vmluan@soctrang.gov.vn</a> 0939 946648
4	Công chức phụ trách Bộ phận một cửa	Trang Thị Cẩm Tú	Phó Chánh Văn phòng	<a href="mailto:ttctu@soctrang.gov.vn">ttctu@soctrang.gov.vn</a> 0916 199861
		Nguyễn Thị Hiền	Chuyên viên	<a href="mailto:nthien@soctrang.gov.vn">nthien@soctrang.gov.vn</a> 0939 144299

2. Kết quả đạt được trong triển khai 06 nhiệm vụ CCHC và một số nhiệm vụ khác

*Số liệu chi tiết theo các biểu mẫu đính kèm.*

### **III. Những khó khăn, vướng mắc**

- Công tác định kỳ chuyển đổi vị trí công tác chưa thực hiện được ở vị trí kế toán do thời gian đến hạn chuyển đổi ở các đơn vị không trùng khớp với nhau.

- Thời gian qua, Sở Công Thương nhận được rất nhiều phản ánh về việc đăng ký tài khoản nộp hồ sơ trực tuyến: khi đăng ký tài khoản để nộp hồ sơ trực tuyến, người dân, doanh nghiệp thường gặp lỗi trong quá trình xác nhận mã tài khoản, về phần này Sở Công Thương không thể hỗ trợ nên thường xuyên phải liên hệ Sở Thông tin và Truyền thông đề nghị hướng dẫn hoặc hướng dẫn người dân trực tiếp liên hệ Sở Thông tin và Truyền thông (vướng mắc này Sở đã kiến nghị trong báo cáo quý III/2018, tuy nhiên đến nay Sở vẫn nhận phản ánh trên từ người dân).

### **IV. Đề xuất, kiến nghị**

Kiến nghị Sở Thông tin và Truyền thông xem xét và hoàn thiện phần đăng ký tài khoản nộp hồ sơ trực tuyến sao cho người dân dễ thực hiện và có thông tin đơn vị hỗ trợ trên Trang Dịch vụ công của tỉnh để cá nhân, tổ chức biết liên hệ.

### **V. Phương hướng năm 2019**

- Xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch về CCHC như kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, kế hoạch kiểm tra CCHC, kế hoạch tuyên truyền CCHC, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin theo đúng tiến độ quy định, cụ thể như:

- Xây dựng kịp thời và thực hiện đúng quy trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật ngành công thương được UBND tỉnh giao. Rà soát, hệ thống hóa

các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực công thương, có kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ kịp thời.

- Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính, có kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với thực tế nhằm tạo thuận lợi cho người dân; không lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với các giấy tờ. Niêm yết đầy đủ các thủ tục hành chính tại Bộ phận “một cửa” và trên Cổng thông tin điện tử.

- Xây dựng và thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức gắn với quy hoạch bố trí sử dụng, chọn công chức, viên chức đi đào tạo đúng đối tượng theo quy hoạch, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, chức danh.

- Tiến hành đánh giá, phân loại công chức theo đúng quy định và theo hướng dẫn của Sở Nội vụ. Thực hiện đầy đủ và đúng chế độ tiền lương, phụ cấp ngoài lương, khen thưởng cho công chức, viên chức.

- Tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 28/12/2012 của UBND tỉnh Sóc Trăng, nhằm chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao ý thức trách nhiệm và chất lượng phục vụ trong hoạt động công vụ của CCVC Sở Công Thương;

- Thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ tài chính theo Nghị định 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ. Duy trì việc thực hiện các biện pháp kiểm soát chi tiêu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

- Đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, thực hiện có hiệu quả mô hình một cửa điện tử, nâng cao chất lượng, số lượng tin, bài đăng trên Cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương;

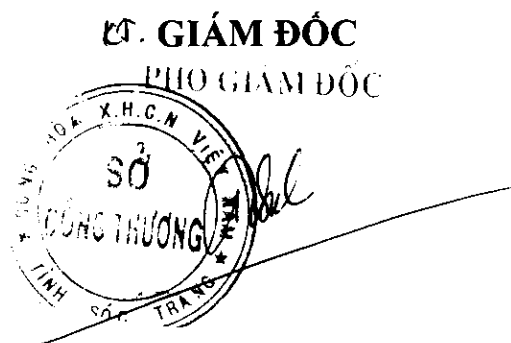
- Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

Ngoài ra thực hiện thường xuyên rà soát và hệ thống hóa các văn bản QPPL trong lĩnh vực Công Thương.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện cải cách hành chính năm 2018 và phương hướng nhiệm vụ cải cách hành chính năm 2019 của Sở Công Thương tỉnh Sóc Trăng./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, VP. *KL*



*Lê Thành Thành*



Biểu mẫu 1B

Thông kê số liệu về công tác kiểm tra

thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính tại Sở Công Thương

Năm 2018 (Từ ngày 01/01 đến 15/11/2018)

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Nội dung thông kê[1]	Số đơn vị kiểm tra tổng số cơ quan, đơn vị		Số vấn đề đã phát hiện qua kiểm tra	Số vấn đề phát hiện đã được xử lý	Số vấn đề chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý
		Phòng ban	Đơn vị trực thuộc			
1	Kiểm tra công tác CCHC	0				
2	Kiểm tra về thực hiện nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước	0				
3	Kiểm tra thực hiện việc áp dụng Hệ thống chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2008	1				
4	Kiểm tra việc theo dõi thi hành pháp luật và xử lý vi phạm hành chính		2	0		
5	Kiểm tra một số nội dung khác (theo dõi thi hành pháp luật,...)					

[1] Từng nội dung kiểm tra, đơn vị phải đánh giá sơ bộ kết quả kiểm tra gồm mặt được, chưa được, đồng thời gửi kèm kế hoạch, báo cáo. Nội dung đánh giá sẽ nêu tại phần ghi chú này.

Biểu mẫu 2B



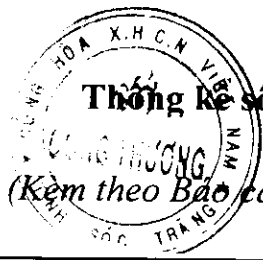
**Thông kê số liệu về công tác xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh**

(Từ ngày 01/1 đến 15/11/2018)

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Nội dung thống kê	Tổng số	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Kết quả ban hành văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của HĐND, UBND</b>	<b>0</b>	
-	Số VBQPPL đã được ban hành trong kỳ báo cáo	1	Quyết định số 12/2018/QĐ-UBND
-	Số VBQPPL được ban hành đúng tiến độ đã đề ra	1	
-	Số VBQPPL được ban hành đúng quy trình, thủ tục theo quy định	1	
<b>2</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>	<b>0</b>	
-	Số văn bản đã kiểm tra theo thẩm quyền		
-	Số văn bản phát hiện trái pháp luật		
-	Số văn bản trái pháp luật đã được xử lý		
-	Số văn bản trái pháp luật chưa xử lý xong từ kỳ trước đã được xử lý trong kỳ báo cáo		
<b>3</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>	<b>11</b>	
-	Số VBQPPL phải rà soát trong kỳ báo cáo	11	
-	Số văn bản được đề nghị xử lý sau rà soát	3	- Quyết định 21/2011/QĐ-UBND ngày 22/6/2011 (Đề nghị thay thế) - Quyết định 19/2017/QĐ-UBND ngày 25/4/2017 (Đề nghị thay thế) - Quyết định ban hành quy định về quy trình chuyển đổi mô hình kinh doanh, khai thác và quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (Đề nghị Ban hành mới)
-	Số văn bản đã được xử lý sau rà soát	3	
-	Số VBQPPL chưa xử lý xong của kỳ báo cáo trước đã được xử lý		





Biểu mẫu 3B

**Thống kê số liệu về công tác kiểm soát TTHC tại Sở Công Thương  
Năm 2018**

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /8/2018 của Sở Công Thương)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
1	Kế hoạch rà soát TTHC	Có	Kế hoạch số 03/KH-SCT ngày 16/01/2018
2	<u>Số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC[1]</u>	117	
3	<u>Số lượng TTHC đã đăng tải công khai trên Trang thông tin/Trang một cửa điện tử[2]</u>	117	
4	Có thực hiện niêm yết địa chỉ tiếp nhận PAKN	Có	
5	Số lượng ý kiến đã tiếp nhận	không	
6	Số lượng ý kiến đã giải quyết	không	

[1] UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã công khai tại Bảng niêm yết TTHC của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

[2] UBND cấp huyện báo cụ thể số lượng TTHC đã đăng tải công khai của cấp huyện và từng xã, phường, thị trấn

## Biểu mẫu 4B



**Thông kê số liệu về số lượng TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương  
(Từ ngày 01/01 đến 15/11/2018)**

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
I	TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương	117	160	160	0	117	0			
1	Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước	26	50	50		26			Công bố bãi bỏ và công bố mới	
2	Lĩnh vực kinh doanh khí	24	24	24		24			Công bố bãi bỏ và công bố mới	
3	Lĩnh vực điện	10	8	8		10			Công bố bãi bỏ và công bố mới	
4	Lĩnh vực thương mại quốc tế	21	16	16		21			Công bố bãi bỏ và công bố mới	
5	Lĩnh vực Hóa chất	7	19	19		7			Công bố bãi bỏ và công bố mới	
6	Lĩnh vực Dầu khí	1	9	9		1			Công bố bãi bỏ	

STT	Cơ quan, đơn vị thực hiện	Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
				Số TTHC tham mưu công bố đúng thời hạn quy định	Số TTHC tham mưu công bố muộn so với thời hạn quy định			Số TTHC liên thông ngang[1]	Số TTHC liên thông dọc[2]	
7	Lĩnh vực Quản lý cạnh tranh	5	7	7		5				Công bố bãi bỏ và công bố mới
8	Lĩnh vực Xúc tiến thương mại	6	12	12		6				Công bố bãi bỏ và công bố mới
9	Lĩnh vực Công nghiệp tiêu dùng	1	0			1				Công bố bãi bỏ và công bố mới
10	Lĩnh vực an toàn thực phẩm	5	4	4		5				
11	Lĩnh vực Dịch vụ thương mại	2	0			2				
12	Lĩnh vực Công Thương	1	0			1				
13	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	1	0			1				
14	Lĩnh vực Vật liệu nổ công nghiệp	7	11	11		7				Công bố bãi bỏ và công bố mới
<b>II</b>	<b>TTHC áp dụng tại cấp huyện</b>	<b>15</b>	<b>3</b>	<b>3</b>						
1	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	12	0							
2	Kinh doanh khí	3	3	3						
<b>Tổng số</b>		<b>132</b>	<b>163</b>	<b>163</b>						



Biểu mẫu 5B

**Thông kê kết quả tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp**  
(Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 15/11/2018)

(Theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 / 11 /2018 của Sở Công Thương)

STT	Cơ quan tiếp nhận, giải quyết hồ sơ TTHC	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Số hồ sơ đã giải quyết				Số hồ sơ đang giải quyết		
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trả trước hạn	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận							
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)=(7) + (8)+(9)	(7)	(8)	(9)	10=(11)+(12)	(11)	(12)
1	Lĩnh vực An toàn thực phẩm	214	-	214	213	200	13	-	1	1	-
2	Lĩnh vực Công nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
3	Lĩnh vực Công nghiệp địa phương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4	Lĩnh vực Công nghiệp Tiêu dùng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Lĩnh vực Công Thương	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Lĩnh vực Dầu khí	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Lĩnh vực Dịch vụ Thương mại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
8	Lĩnh vực Điều tiết Điện lực	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
9	Lĩnh vực Điện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
10	Lĩnh vực Hóa chất	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
11	Lĩnh vực kinh doanh khí	4	-	4	2	2	-	-	2	2	-
12	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước	186	-	186	182	180	2	-	4	4	-



Biểu mẫu 6B

**Thống kê số liệu về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính tại Sở Công Thương**  
**Năm 2018 (Từ ngày 01/01/2018 - 15/11/2018)**

(Kèm theo Báo cáo số 189/BC-SCT ngày 20/11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng phòng chuyên môn/đơn vị trực thuộc[1]		Số lượng lãnh đạo cấp sở/UBND cấp huyện				Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương/UBND cấp xã				Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tình hình biên chế		Ghi chú				
		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[2]		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại[3]		Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo Kế hoạch năm	Đã tinh giảm					
						Đủ chuẩn				Thiếu chuẩn[4]							Đủ chuẩn		Thiếu chuẩn[5]	
1	Sở Công Thương	10	-1	4	0	0	0	18	-5	1 điều động, bổ nhiệm	0	33	36	năm 2018 không có chỉ tiêu tình hình biên chế	0					

- 1] Nêu lý do tăng, giảm (do sáp xếp, thành lập mới, giải thể,...)
- 2] Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại
- 3] Thống kê chi tiết tại đây bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm mới, bao nhiêu trường hợp bổ nhiệm lại
- 4] Nêu rõ thiếu chuẩn nào
- 5] Nêu rõ thiếu chuẩn nào
- 5] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biểu mẫu 7B

Thông kê số liệu về công chức, viên chức tại Sở Công Thương  
 Năm 2018 (Từ ngày 01/01/2018 - 15/11/2018)

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số CBCCVV hiện có mặt		Số đạt chuẩn theo tiêu chuẩn chức danh, VTVL	Số lượng[1] CBCCVV được đào tạo, bồi dưỡng			Định kỳ chuyển đổi vị trí công tác		Tuyển dụng			Tình hình xử lý kỷ luật CBCCVV		Điều động, chuyển công tác CB, CC, VC[2]	Năng lương theo thẩm quyền	
		Biên chế	HD chuyên môn		Đào tạo[3]	Bồi dưỡng nghiệp vụ[4]	Có KH tuyển dụng	Chỉ tiêu chuyển đổi theo quy định	Kết quả thực hiện	Có KH tuyển dụng	Kết quả tuyển dụng[5]	Không qua thi/tuyển đặc cách	Mức khiển trách	Từ mức cảnh cáo trở lên[6]		TX[7]	TH[8]
I	Sở Công Thương	45	11 làm việc tại Trung tâm	45	4 trung cấp chính trị	40	Có KH tuyển dụng viên chức	2	3	Có KH tuyển dụng viên chức	đang thực hiện quy trình tuyển dụng	0	0	0	3 (2 điều động đến, 1 chuyển công tác đi)	27	8

[1] Thông kê số lượng, không thống kê số lượt được đào tạo, bồi dưỡng

[2] Thông kê chi tiết tại đây

[3] Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVV được cử học tiến sĩ, thạc sĩ, CK1, CK2, đại học,...

[4] Thông kê rõ tại đây có bao nhiêu CBCCVV tham gia bồi dưỡng theo từng chuyên đề

[5] Thông kê đơn vị chấp hành quy định về tuyển dụng CC, VC/tổng số đơn vị thực hiện tuyển dụng

[6] Thông kê rõ tại đây bao nhiêu CBCCVV bị xử lý kỷ luật ở từng mức độ

[7] Thường xuyên

[8] Trước hạn

[9] UBND cấp huyện báo cáo cụ thể từng xã, phường, thị trấn thuộc quyền quản lý



Biểu mẫu 8B

**Thông kê số liệu về triển khai chính sách cải cách công chức, công vụ  
tại Sở Công Thương năm 2018**

(Từ ngày 01/01/2018 - 15/11/2018)

Kiểm tra Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng	Ghi chú
1	Số cơ quan hành chính đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của công chức	2	- Sở Công Thương; - Chi cục Quản lý thị trường. (Chi cục QLTT đã chuyển giao về Tổng cục QLTT từ ngày 04/10/2018)
2	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự (chưa tự chủ) đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	2	- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp; - Trung tâm Xúc tiến Thương mại.
3	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt danh mục vị trí việc làm của viên chức	0	
4	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã phê duyệt bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	
5	Số đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ hoàn toàn đã hoàn thiện bản mô tả công việc và khung năng lực vị trí việc làm của viên chức	0	



Biểu mẫu 9B

**Thông kê số liệu về cải cách tài chính công tại Sở Công Thương**

**Năm 2018 (Từ ngày 01/01/2018 - 15/11/2018)**

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng đơn vị		Ghi chú
		Tổng số	Tăng (+)/ giảm (-) so với năm trước	
1	Số cơ quan hành chính thuộc và trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý kinh phí hành chính	2	0	- Sở Công Thương; - Chi cục Quản lý thị trường. (Chi cục QLTT đã chuyển giao về Tổng cục QLTT từ ngày 04/10/2018)
2	Về số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện cơ chế tự chủ.	2	0	
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	0		
-	Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	0		
-	Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0		
-	Số đơn vị được nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	2		- Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp; - Trung tâm Xúc tiến Thương mại.





Biểu mẫu 10B

**Thông kê số liệu về kết quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước và trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại Sở Công Thương**

**Năm 2018 (từ ngày 01/01 đến 15/11/2018)**

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Cơ quan, đơn vị	Trao đổi văn bản giữa các cơ quan hành chính nhà nước				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3				Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4			Ghi chú	
		Tổng số văn bản đi	Trong đó			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			Tổng số TTHC đã cung cấp	Hồ sơ đã tiếp nhận			
			Số văn bản giấy	Số văn bản điện tử	Số văn bản phát hành VB giấy + điện tử		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC	Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính		Tổng số	Tiếp nhận tại nơi giải quyết TTHC		Tiếp nhận qua mạng hoặc dịch vụ bưu chính
I	Sở Công Thương	1.917	1.917	1.849	1.849	55	170	170	-	15	1.564	203	1.361	

[1] UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



Biểu mẫu 11B

**Đông kê số liệu về kết quả triển khai dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)**

**Sở Công Thương Năm 2018 (Từ ngày 01/01 đến 15/11/2018)**

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Cơ quan, đơn vị	Số lượng TTHC đã công bố triển khai dịch vụ BCCI	Số lượng TTHC có phát sinh sử dụng dịch vụ BCCI trong kỳ báo cáo		Ghi chú
			Số TTHC tiếp nhận	Số TTHC trả kết quả	
I	Sở Công Thương	59	4	4	
Tổng					

[1] UBND cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện chi tiết đối với từng xã, phường, thị trấn thuộc thẩm quyền quản lý



Biểu mẫu 13B

**Thông kê số liệu về xây dựng, áp dụng và duy trì Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2008 tại Sở Công Thương Quý III/2018**  
(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 26 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Nội dung thống kê	Số liệu thống kê	Ghi chú
I	Duy trì, cải tiến hệ thống		
1	Thực hiện công bố lại ISO	Có	
2	Thực hiện đánh giá nội bộ	Có	
3	Thực hiện xem xét của lãnh đạo đối với hệ thống quản lý chất lượng	Có	
4	Cập nhật các thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến hoạt động xử lý công việc vào Hệ thống quản lý chất lượng	Có	Cập nhật thường xuyên
5	Nội dung khác		



Biểu mẫu 14

**Thông kê tình hình tiếp nhận và giải quyết  
đơn thư khiếu nại, tố cáo của Sở Công Thương năm 2018**

(Từ ngày 01/01 đến 15/11/2018)

(Kèm theo Báo cáo số 189 /BC-SCT ngày 20 /11/2018 của Sở Công Thương)

STT	Nội dung thống kê	Số lượng					Ghi chú[1]
		Tiếp nhận			Giải quyết đúng hạn theo quy định	Giải quyết trễ hạn	
		Tổng	Thuộc thẩm quyền	<u>Không thuộc thẩm quyền giải quyết</u> [2]			
1	Lĩnh vực điện	13	13	0	13	0	
2	Lĩnh vực xăng dầu	5	5	0	5	0	
	<b>Tổng</b>	<b>18</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	<b>18</b>	<b>0</b>	

[1] Nêu rõ lý do giải quyết kéo dài hoặc chưa giải quyết

[2] Đã chuyển đơn đến cơ quan có thẩm quyền bao nhiêu trường hợp

[3] Cấp huyện báo cáo cụ thể đối với từng xã, phường, thị trấn